

Tòa án nhân dân
huyện Giồng Riềng
tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 04 - 2024
V/v “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Tuấn

2. Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 396/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1976 “có mặt”.

Địa chỉ: **Khu phố D, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1986 “ vắng mặt”.

Địa chỉ: **Khu phố D, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/05/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Trương Văn T** trình bày:*

Anh và chị **Huỳnh Thị L** cưới nhau là do mai mối và tự đến chung sống với nhau vào năm 2011. Đến nay anh chị chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình hôn nhân giữa anh chị không có hạnh phúc, nguyên chính là do chị **L** thiếu tinh thần trách nhiệm với gia đình, cụ thể: Cứ mỗi lần vợ chồng xảy ra cãi vã là chị **L** tự ý bỏ nhà, bỏ con ra đi, sau thời gian lại tự ý quay về và sự việc cứ diễn ra liên tục suốt thời gian qua. Thời gian gần đây vợ chồng làm tích góp được ít tiền thì chị **L** lại kiếm chuyện với anh và lấy tiền bỏ nhà ra đi để tiêu xài cá nhân, xong lại quay trở về.

Xét thấy vợ chồng tiếp tục chung sống về sau cũng không được hạnh phúc. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với **Huỳnh Thị L**.

Về con chung: Quá trình hôn nhân giữa anh chị có chung với nhau 01 con chung là **Huỳnh Thị Kim Á**, sinh ngày 23/06/2012. Hiện con đang sinh sống với anh nên anh yêu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại đơn yêu cầu phân tố ngày 14/07/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:**

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh **Trương Văn T**.

Về con chung: Chị không đồng ý với giao cháu **Huỳnh Thị Kim Á**, sinh ngày 23/06/2012 cho anh **T** nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra chị yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản, cụ thể:

Về tài sản chung gồm có: 01 căn nhà tiền chế trị giá 29.000.000 đồng, bộ bàn ăn Inox 1.800.000 đồng, tủ thờ cha chị cho 2.800.000 đồng, tủ lạnh 4.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi, đồng ý để lại tài sản cho anh **T** sử dụng, chị nhận giá trị bằng tiền.

Về tài sản riêng:

+ Tài sản riêng của chị gồm có: Tủng loa kéo trị giá 13.500.000 đồng (hiện anh **T** đang giữ), chị yêu cầu anh **T** trả lại cho chị.

+ Tài sản riêng của anh **T** gồm có: Máy Jangrua 2.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vay của ông 8 Tịch 6.000.000 đồng vào năm 2022, mục đích vay dùng để trả nợ chung; vay của ông 7 Tàu 3.000.000 đồng vào năm 2019, mục đích vay sửa nhà. Chị yêu cầu chia đôi trả nợ.

Tại phiên tòa:

- Anh **T1** yêu cầu được ly hôn với chị **L**; yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là **Huỳnh Thị Kim Á**, không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị **T** vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa xác định anh **T** và chị **L** kết hôn vào năm 2011 nhưng đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý theo định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận anh **T** và chị **L** là vợ chồng.

Về con chung: Anh **T** và chị **L** có 01 con chung là **Huỳnh Thị Kim Á**, sinh ngày 23/06/2012. Theo bản tự khai ngày 13/6/2023, cháu **Á** có nguyện vọng sống với cha, do cháu trên 07 tuổi nên phải xem xét nguyện vọng của cháu là bảo đảm đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu **Huỳnh Thị Ánh K**, sinh ngày 26/03/2012 cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng. Chị **L** không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh **T** không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị **L** có đơn yêu cầu phản tố giải quyết tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, Tòa án có thông báo cho chị về việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng chị không thực hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, có đủ điều kiện thì chị **L** có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong 01 vụ việc khác.

Ngoài ra, nguyên đơn còn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Anh **Trương Văn T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị **Huỳnh Thị L** và yêu cầu được quyền nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại **huyện G, tỉnh Kiên Giang** nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị **Huỳnh Thị L** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị **L** vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của chị **L** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trương Văn T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị **Huỳnh Thị L**. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có căn cứ xác định: Anh **T** và chị **L** kết hôn vào năm 2011 nhưng đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý theo định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh **T** và chị **L** có 01 con chung là **Huỳnh Thị Kim Á**, sinh ngày 23/06/2012. Anh **T**, chị **L** đều có nguyện vọng được nuôi cháu **Á**. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 13/6/2023 cháu **Á** có nguyện vọng sống với anh **T**, do cháu trên 07 tuổi nên phải xem xét nguyện vọng của cháu là bảo đảm đúng quy định pháp luật. Hơn nữa từ trước đến nay cháu **Á** sống chung với gia đình và việc anh **T** được quyền nuôi dưỡng cháu **Á** cũng bảo đảm cho việc học tập và sinh hoạt thường ngày của cháu không bị thay đổi, xáo trộn.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để giao cháu **Huỳnh Thị Ánh K**, sinh ngày 26/03/2012 cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng. Chị **L** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **T** không yêu cầu.

Chị **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; Chị **L** có đơn yêu cầu phản tố giải quyết tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, Tòa án có thông báo hợp lệ cho chị về việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng chị không thực hiện và cũng không đưa ra được lý do chính đáng của việc không nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố của chị.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, có đủ điều kiện thì chị **L** có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong 01 vụ việc khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh **Trương Văn T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh **T** đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008208, ngày 09 tháng 06 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh **T** đã nộp đủ án phí theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh **Trương Văn T** và chị **Huỳnh Thị L** là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu **Huỳnh Thị Ánh K**, sinh ngày 26/03/2012 cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng. Chị **L** không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh **T** không yêu cầu.

Chị **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; Chị **L** có đơn yêu cầu phân tố giải quyết tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, Tòa án có thông báo hợp lệ cho chị về việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng chị không thực hiện và cũng không đưa ra được lý do chính đáng của việc không nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phân tố của chị. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, có đủ điều kiện thì chị **L** có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong 01 vụ việc khác.

4. Về án phí: Anh **Trương Văn T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh **T** đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008208, ngày 09 tháng 06 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh **T** đã nộp đủ án phí theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh **Trương Văn T** được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 15/04/2024. Báo cho chị **Huỳnh Thị L** được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hồng Chinh